TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê;
Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần T, sinh năm: 1985;
Cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm: 1985;
Cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Trần T trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị Minh K tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 17/01/2004, số 02 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Quá trình sống chung với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân là do chị K đam mê cờ bạc, gây nợ nần nhiều người, nên đã bỏ nhà đi làm thuê, làm mướn, không có về nhà và cũng không liên lạc với gia đình. Vì tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Như B, sinh ngày 11/12/2004; Trần Thu H, sinh ngày 07/6/2006 và Trần Bình Q, sinh ngày 26/10/2010; Hiện nay cháu B đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu H và cháu Q đang sống với cha, khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Minh K, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo công văn số 125/TA ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện P, nhưng vắng mặt không đến Tòa để trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đúng; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Cháu Trần Như B, sinh ngày 11/12/2004 hiện nay đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Giao 02 con chung Trần Thu H, sinh ngày 07/6/2006 và Trần Bình Q, sinh ngày 26/10/2010 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về án phí, chi phí tố tụng nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Trần T yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Minh K có địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của TAND huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn có đăng ký thường trú, sinh sống và làm việc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Nhưng bị đơn vắng mặt nơi cư trú mà không cung cấp địa chỉ mới là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 BLTTDS, nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo Khoản 2, Điều 227, Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần T và bị đơn Nguyễn Thị Minh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2004 tại UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận số 02, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn Trần T yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Minh K vì cho rằng sau khi kết hôn, hai bên sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân, do bà K đam mê cờ bạc, gây nợ nần, gia đình đã khuyên cản nhiều lần nhưng không bỏ. Sau đó bà K tự ý bỏ nhà đi, đến nay không có liên lạc với gia đình là cố tình giấu địa chỉ. Vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu xin được ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 26/6/2023 và ngày 08/6/2023 địa phương cung cấp bà Nguyễn Thị Minh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, nhưng hiện nay không cư trú tại địa chỉ này, cũng không cư trú tại nhà cha, mẹ ruột ở thôn M, xã HT, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, TAND huyện P đã ra thông báo số 125/TA ngày 28/6/2023 v/v thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, theo đó báo Công Lý đã nhắn tin trên ba số báo liên tiếp là 52, 53, 54 ra các ngày 30/6/2023 và 05, 07/7/2023 và Đài truyền hình Việt Nam (VTV8) đã phát thông báo vào lúc 06 giờ 50 phút ngày 29, 30/6/2023 và 01/7/2023; TAND tỉnh Phú Yên đã đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhưng bà Nguyễn Thị Minh K vắng mặt tại Tòa không lý do.

Xét các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, HĐXX thấy rằng bà Nguyễn Thị Minh K đã vắng mặt nơi cư trú từ năm 2021. Mặc dù, ông T đã làm đơn xin ly hôn, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng bà K vẫn không về, là bỏ mặc, thờ ơ trách nhiệm chăm sóc gia đình đối với chồng con, dẫn đến tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn Trần T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Minh K.

[4] Về con chung: Vợ chồng ông T, bà K có 03 con chung tên Trần Như B, sinh ngày 11/12/2004; Trần Thu H, sinh ngày 07/6/2006 và Trần Bình Q, sinh ngày 26/10/2010. Hiện nay, cháu B đã trưởng thành nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Cháu H và cháu Q đang sống với cha, xét yêu cầu được nuôi 02 con chung của nguyên đơn là phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu và phù hợp với quy định của pháp luật tại các các Điều 81, 82,

83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.020.900 đồng. Nguyên đơn tự nguyện nộp đủ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần T.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Trần T được ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Minh K.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Trần Thu H, sinh ngày 07/6/2006 và Trần Bình Q, sinh ngày 26/10/2010 cho nguyên đơn Trần T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, HĐXX không xem xét, giải quyết. Riêng cháu Trần Như B, sinh ngày 11/12/2004 hiện nay đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Minh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Trần T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009439 ngày 20/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 3.020.900 đồng (đã nộp đủ).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H
CNKH số 02 (17/01/2004)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền